

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn
và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Phúc;
- Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HN ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc L tự nguyện chung sống với nhau vào cuối năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 13/4/2020, hiện chị đang nuôi dưỡng.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, thu nhập mỗi người đều cất giữ riêng để chi phí phục vụ cá nhân, mỗi khi mua sữa cho con hay mua sắm vật dụng chi phí trong gia đình thì chị phải hỏi tiền anh **L**, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 11/2023 chị nộp đơn khởi kiện ly hôn, trong thời gian Tòa án giải quyết, vì thương con còn nhỏ và mong muốn cho anh **L** cơ hội sửa đổi nên chị rút đơn khởi kiện tiếp tục chung sống với **L**. Tuy nhiên, anh **L** vẫn không thay đổi, một mình chị phải lo chi phí sinh hoạt chung trong gia đình, chị góp ý thì cả hai cãi vã nhau nên anh **L** về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không gặp nhau để bàn bạc việc hàn gắn gia đình. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **L**.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nếu sau này có tranh chấp chị sẽ khởi kiện vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh **Nguyễn Quốc L** trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị **T** là đúng. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng, trong thời gian chung sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì. Vấn đề thu nhập của ai người đó giữ là đúng, số tiền anh làm được sử dụng vào công việc làm nông: đầu tư vào việc trồng lúa, sửa chữa xe máy cày, Anh xác nhận chị **T** nộp đơn ly hôn vào tháng 11/2023 và sau đó rút đơn vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên anh về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, thời gian ly thân anh và chị **T** không bàn bạc đoàn tụ. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2024 anh trình bày, vào ngày cưới, gia đình anh có cho vợ chồng anh **O** đôi bông tay 01 chỉ vàng 18k và 01 sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 18k. Anh yêu cầu chị **T** trả lại cho anh, tuy nhiên anh **L** không đến Tòa án cũng không có đơn yêu cầu chia tài sản.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Phan Thị Cẩm T** đối với anh **Nguyễn Quốc L**; Con chung, giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thị Cẩm T1**, sinh ngày 13/4/2020, anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu; Tài sản, chị **T** và anh **L** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án khác; Nợ chung, chị **T** và anh **L** khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Phan Thị Cẩm T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh **Nguyễn Quốc L** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Phan Thị Cẩm T** và anh **Nguyễn Quốc L** kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2019, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, chị **T** góp ý nhiều lần nhưng anh **L** vẫn không thay đổi và trong thời gian sống ly thân chị **T** và anh **L** không gặp nhau bàn việc đoàn tụ, không ai quan tâm đến ai, tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2024 anh **L** đồng ý ly hôn và anh **L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị **T** và anh **L** thống nhất cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thị Cẩm T1**, sinh ngày 13/4/2020 nên cần ghi nhận. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị **T** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2024 anh **L** trình bày, vào ngày cưới, gia đình

anh có cho vợ chồng anh **O** đôi bông tay 01 chỉ vàng 18k và 01 sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 18k, anh yêu cầu chị **T** trả lại. Xét thấy, sau phiên hòa giải đến nay anh **L** không đến Tòa án cũng không có đơn yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị **T** và anh **L** có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Chị **T** và anh **L** khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Phan Thị Cẩm T** với anh **Nguyễn Quốc L**. Chị **T** được ly hôn với anh **L**.

2. Về con chung: Giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thị Cẩm T1**, sinh ngày 13/4/2020. Anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Anh **L** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Phan Thị Cẩm T** và anh **Nguyễn Quốc L** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Phan Thị Cẩm T** và anh **Nguyễn Quốc L** khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Phan Thị Cẩm T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012116 ngày 30-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Tiên Thuận (Số 36/2019);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui